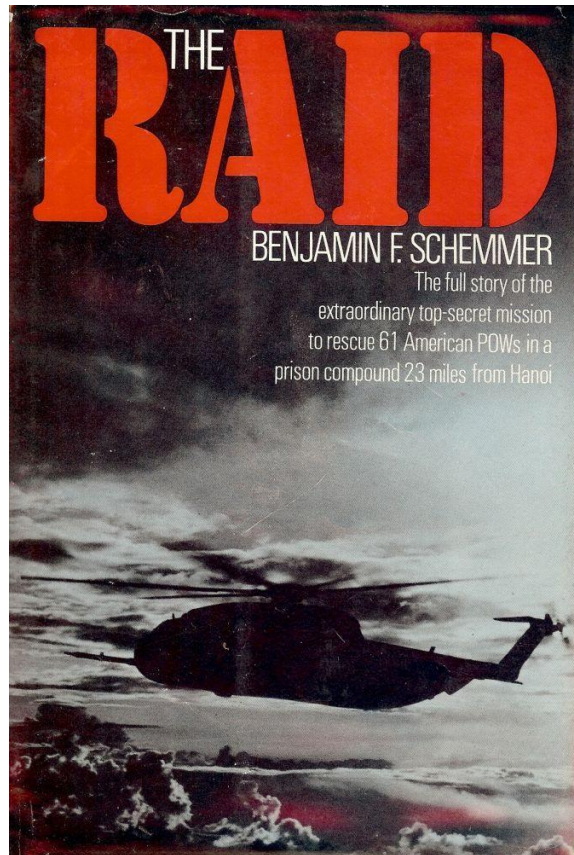


Vụ tập kích Sơn Tây Phần 5

Nguyên bản tiếng Anh: The Raid

Nhà xuất bản: Harper - Row Publishers Tác giả: Benjamin F.Schemmer

Người dịch: Lê Trọng Bình - Lâm Hải Hồ



P5

Căn cứ Fort Bragg, tiểu bang Bắc Carolina

Tại căn cứ Fort Bragg, tiểu bang Bắc Carolina, ngày 11 tháng 7 năm 1970, đại tá bộ binh Simons đang bận rộn sắp xếp và phân loại đồ cổ bằng đồng thau ở Việt Nam, mà ông ta đã thu thập như: ống nhỏ, bộ buồng ngủ, hộp điều bát, hộp đựng thuốc hút đầu rồng và một lô khác v.v... Chuông điện thoại bỗng reo vang. Simons vội cầm lấy ống nói. Nghe giọng nói quen thuộc, Simons đã nhận ra tiếng Blackburn. Ông ta thông báo với Simons rằng: tôi đang cần anh cộng tác với tôi một việc. Qua nội dung câu chuyện, Simons đã có linh cảm là hình như ông chuẩn bị trở lại Việt Nam lần thứ tư. Sau khi câu chuyện chấm dứt, bà vợ của Simons đã hét toáng lên: “Cứ mỗi lần Blackburn đến là có thêm một tin xấu, anh đừng cộng tác

với ông ta nữa”. Simons trở nên buồn rầu, ngắm nhìn đồng hồ cổ. Ông hy vọng là được chăm chút, lau chùi chúng, nhưng giờ đây, thế là phải xếp xó. Đối với một vài thứ đã có từ mấy thế kỷ nay. Nhưng những thứ đồ đồng thau này chưa phải là tất cả mà còn bao nhiêu thứ khác nữa Simons đã giành được ở Việt Nam. Ông còn có cả một kho lưu niệm về các loại vũ khí như: súng trường, súng lục các loại. Có thể nói: nếu như các anh chàng chơi súng mà được nhìn thấy cũng phải thèm thuồng.

Blackburn và Mayer đến căn cứ Fort Bragg với hai mục đích. Một là xem Simons có sẵn sàng chỉ huy cuộc tập kích trại tù Sơn Tây hay không. Nhưng họ phải giữ bí mật về kế hoạch, nhiệm vụ đi giải thoát với Simons. Hai là nếu căn cứ Fort Bragg được chọn làm bãi tập thì một sĩ quan bộ binh sẽ là chỉ huy trưởng nhiệm vụ và một phụ tá không lực giúp việc. Nếu căn cứ Eglin được chọn thì chỉ huy trưởng là người của không lực, còn phụ tá phải là sĩ quan bộ binh do SACSA quyết định.

Blackburn và Mayer biết rằng Simons bị đau tim nhẹ trước khi đi Trung Quốc, ông ta vừa trở lại phục vụ như là một sĩ quan bổ sung. Nhưng khi gặp Simons, Blackburn và Mayer cảm thấy phấn khởi mừng rỡ vì Simons đã hoàn toàn bình phục.

Simons nhớ lại trong một bữa ăn trưa cùng với Blackburn và Mayer. Blackburn đã hỏi Simons rằng: có thích dẫn đầu một nhiệm vụ sôi nổi chẳng, có thể là nhiệm vụ gay gắt đấy! Simons biết thừa rằng không nên hỏi việc đó là việc gì. Nếu Blackburn đã nhúng tay vào thì đó là việc không phải hay ho gì! Simons chỉ đáp một tiếng: Vâng? Được, tôi không cần biết gì thêm nữa. Không có sự bàn cãi gì về vụ tập kích, cũng không nói gì đến việc xâm nhập Bắc Việt Nam.

Ba người bắt đầu thảo luận về các nhân vật, loại người nào mà Simons có thể đưa vào làm việc. Một vài sĩ quan trước đây đã làm với ông ta hiện lên trên trí nhớ của Simons, nhưng có một số không thể có mặt, vì họ đang ở Việt Nam, hoặc ở Tây Đức, hoặc được bổ nhiệm làm công việc khác ở Hoa Kỳ. Nếu như gọi họ lại bằng sự vụ lệnh, thì sẽ gây ra phiền phức, gây ra nhiều câu hỏi. Nhưng còn có một số sĩ quan có thể tham gia được như: Sydnor, Meadows, Peshkin...

Căn cứ Fort Bragg, một địa điểm lý tưởng để huấn luyện, là một vùng đất rộng 130.698 ha dành riêng cho đội quân chiến lược, vì bộ binh và không quân có những bài học huấn luyện hỗn hợp thường xuyên, dù có thêm một tổ chức nữa đến tập thì cũng không hề gây ra sự chú ý nào đáng kể.

Khu đất dành riêng này và các vùng bao quanh đều do quân đội thuê thêm. Họ thường sử dụng những chương trình huấn luyện do căn cứ Fort Bragg đề ra với các toán lực lượng của nó, do phân bộ hàng

không 82 điều khiển. Căn cứ Fort Bragg lại là nơi huấn luyện mà phần đông là những người tình nguyện vào các lực lượng đặc biệt của bộ binh.

Còn một nơi khác gọi là “Trung tâm chiến tranh” của lực lượng không quân đặt tại căn cứ không lực Eglin cũng là một vùng đất rộng gần 464.980 ha, nằm trên phần hình cán xoong phía bắc Florida. Nó còn một thuận lợi là có gần 44.000 mét vuông mặt nước để tập, thí nghiệm mà không bị ảnh hưởng đến đầu mối giao thông khác. Đây cũng là nơi tập dượt của Trung tâm huấn luyện cấp cứu và tìm kiếm bằng máy bay và cũng là cánh tay hoạt động đặc biệt của không lực Hoa Kỳ

- USAF. Hầu hết các đoàn trực thăng và máy bay C.130 đi cấp cứu hoặc tiếp tế đều xuất phát từ các đơn vị này.

Sau nhiều lần bay trên căn cứ Fort Bragg và Eglin để lựa chọn địa điểm huấn luyện lực lượng tập kích trại tù Sơn Tây, Blackburn và Mayer quyết định đến Lầu Năm Góc với một mật lệnh dự thảo cho đô đốc Moorer ký để sử dụng căn cứ không lực Eglin làm nơi huấn luyện cho nhóm nhiệm vụ khẩn cấp hỗn hợp và lệnh cho không lực bổ nhiệm một vị chỉ huy.

Từ đó hoạt động của nhóm tập kích trại tù Sơn Tây đã có một cái tên mới đúng hơn là một mật danh “Bò Biển Ngà”.

Người phụ trách liên lạc phối hợp của tham mưu trưởng hỗn hợp là đại tá Mayer ở SACSA. Blackburn đã đề nghị với tướng Palmer, phụ tá tham mưu trưởng bộ binh, chỉ định Simons làm phụ tá chỉ huy nhóm nhiệm vụ khẩn cấp hỗn hợp và cầm đầu vụ tập kích Sơn Tây.

Palmer đã từng biết Simons là một lãnh đạo tác chiến, là một chuyên viên của những hoạt động đặc biệt từ chiến tranh thế giới thứ hai nên ông ta đã ký ngay lệnh.

Sau khi được Palmer đồng ý cử Simons cầm đầu vụ tập kích Sơn Tây, Blackburn cảm thấy nhẹ người và thầm nghĩ đến sự thành công lớn lao cho cuộc hành quân. Điều mà Blackburn tin tưởng là có cơ sở, vì ông ta biết Simons trong 28 năm qua và đã gặp nhau nhiều lần. Simons có thể làm mọi việc và sẽ làm hết sức mình, khi Blackburn nói đây là một việc quan trọng.

Simons ở tuổi 52, nhưng trông như là một con bò mộng, đôi vai rộng, nặng 190 cân Anh, gần giống như pho tượng tạc trên hòn đá, cổ to, tóc thưa, lông mày rậm, với cái mũi cao như mỏ điều hâu, đôi tai to với hai nếp nhăn chạy dài từ hai bên mũi vòng quanh miệng xuống cằm.

Nhiều người đã biết Simons và gọi ông ta là một người không biết sợ. Ông ta cũng thường nói: “Cái chết vẫn lớn vồn bên tôi, tôi không muốn những người ở bên tôi bắn mà không trúng đích”. Ông ta đã từng

xông pha vào lửa đạn của khá nhiều trận chiến đấu để chấp nhận sự đổ máu ở chiến trường như là sự may rủi của nghề nghiệp chiến tranh, nói cho cùng là một công việc khốn nạn mà phải nhúng tay vào. Có lần ông ta nói: “Nếu lịch sử là người thầy thì nó dạy cho ta rằng, khi mà ta thản nhiên hoặc mất ý chí chiến đấu thì không phải là ai khác mà kẻ thù của chúng ta sẽ đập nát chúng ta”.

Năm 1941, Simons mới là hạ sĩ quan pháo binh. Sau khi tốt nghiệp đại học Missouri gia nhập đội pháo binh có ngựa kéo và được cử sang New Guinea. Sau 60 ngày đến đó và hoạt động không có hiệu quả, Simons lại được chuyển sang đơn vị pháo binh cơ động xâm chiếm Philippines. Khi đánh nhau với quân Nhật, Simons đã dẫn đầu đơn vị của mình đánh úp một căn cứ ra-đa của Nhật ở Philippines. Và Simons đã cho đơn vị nã pháo bắn che chở cho đội quân hoạt động đặc biệt của Blackburn khi đội quân này đánh chiếm một sân bay của Nhật. Từ đó hai người quen nhau và cũng không có điều kiện để gặp nhau nữa.

Năm 1957, Simons được điều về căn cứ Fort Bragg và được phân công làm sĩ quan báo chí, thông tin công cộng. Theo Simons đây là một “kỳ luật” đối với ông. Gần một năm ở căn cứ Fort Bragg, Simons đã xin cấp trên “giải phóng” cho ông ta, và được bổ nhiệm sang công tác ở trường chiến tranh đặc biệt.

Trong thời gian đó, Blackburn đang chỉ huy lực lượng đặc biệt 77. Sau chuyển công tác ở Việt Nam trở về, Blackburn gặp Simons và đã cử Simons phụ trách một tiểu đoàn. Từ đó hai người được gần nhau và đều hoạt động phụng sự cho loại chiến tranh không chính đáng nên lại càng trở thành đôi bạn rất thân nhau.

Năm 1960, Blackburn được giao nhiệm vụ tổ chức nhóm hoạt động bí mật để sang công tác ở Lào, nhưng không được thuận lợi. Trước sự khó khăn đó, Blackburn đã giao cho Simons tuyển mộ lực lượng mới với bí danh là những toán “Sao trắng”. Kết quả Simons đã tuyển được 107 người đi Lào. Trước khi đi Simons nói với họ rằng: “Các anh sắp phải làm một việc mất nhân

tâm của các anh. Những người trong các rừng rậm sẽ tiêu diệt các anh, nhưng các anh phải giữ im lặng để tìm cách tiêu diệt họ”.

Tháng 7-1960, khi họ đến Lào, không một ai nói cho Simons biết ông ta phải huấn luyện ai, huấn luyện cái gì mà trên đất Lào đầy rẫy những sự thối nát của chính quyền đương nhiệm. Những hoạt động quân sự của người Bắc Việt Nam thường qua biên giới Lào, còn lực lượng quân sự ở Lào thì quá ít, chỉ có một nhóm bảo vệ dinh thự các ông lớn mà thôi. Rõ ràng cần phải có kiểu một quân đội nào đó? Và Simons quyết định thành lập một quân đội. Khi mà chính phủ không thể tuyển mộ được một người lính nào thì Simons đành phải tổ chức bắt cóc. Người của ông ta phải đi sục sạo khắp nơi trong nước, làm xáo trộn hàng nghìn người dân tộc Mèo. Ông ta tìm cách nhốt họ trong các hàng rào dây thép gai, cho họ ăn mặc,

dần dần dạy cho họ làm lính đánh giặc. Với cách làm như vậy Simons đã bắt được 12 sư đoàn “tình nguyện” có đủ sức đương đầu với quân đội Bắc Việt khi họ hành quân qua biên giới Lào.

Sau chuyến đi 6 tháng tại Lào, Simons trở về Hoa Kỳ và ông ta lại được cầm đầu một toán lớn lực lượng đặc biệt Mỹ tại Panama. Một thời gian sau đó lại kết hợp với Blackburn hoạt động ở Việt Nam và đã có lúc ông ta chán ngấy và thốt lên: “Tôi dẹp bỏ những cái đó. Tôi biết rằng nếu tôi bị tóm họ sẽ cho người thay thế và vứt bỏ tôi ra phía sau”. Nhưng Blackburn lại không chịu lìa bỏ Simons mà lại chọn ông ta cầm đầu những nhiệm vụ khó có thể tưởng tượng được trong chiến tranh ở Việt Nam. Đó là cuộc tập kích trại tù Sơn Tây mà Blackburn hy vọng với sự chỉ huy của Simons sẽ đem lại thành công lớn.

Nhưng mỉa mai thay cho Simons, ngày mà ông ta được chọn để điều khiển cuộc tập kích trại tù Sơn Tây thì những tù nhân ở Sơn Tây đã được di chuyển đi nơi khác. Qua các ảnh chụp của các máy bay trinh sát một vài tuần trước đấy, các giếng nước bên trong trại tù đã bị cạn khô. Tiếp đó là những trận mưa tai hại của cơn đợt gió mùa lớn nhất trong năm đã trút xuống Việt Nam.

Các tù nhân không hiểu được rằng, ngay bên ngoài khu trại, con sông Nhuệ bị ngập nước và dâng cao từ một đến hai thước đến tận bức tường xây của khu trại. Cuộc di chuyển tù nhân được tiến hành rất trật tự, gần như bất ngờ, không phải loại di chuyển hốt hoảng mà họ có dịp biết đến sau này.

Những người bảo vệ Bắc Việt đã ra lệnh cho các tù nhân tháo gỡ các dây phơi quần áo và lưới, trụ của sân bóng chuyền. Ngày hôm sau, họ cho lợn gà lên mấy xe tải, còn tù nhân được lệnh đi xe buýt.

Đêm ngày 14-6-1970, họ được chở đến những nhà của quân đội mới được sửa sang lại tại Đồng Hới, cách đó 45 dặm về phía đông, mà các tù binh Mỹ đã đặt cho một cái tên mới là trại “Niềm Tin”.

Chương ...

"BỜ BIỂN NGÀ"

Những người tình nguyện

Tại căn cứ không lực Eglin ở Florida, thiếu tướng J.Manor nhận được cú điện thoại có vẻ mơ hồ gọi từ Lầu Năm Góc. Ông ta được đề cử chỉ huy một nhiệm vụ đặc biệt cho các tham mưu trưởng hỗn hợp. Ông phải bay đi Washington ngày hôm sau bằng chiếc máy bay chở thư đặc biệt. Tuy nhiên, giữa đường bay lên miền Bắc, ông đáp xuống tại căn cứ không lực Pope Bắc

Carolina, vừa đủ thời gian để nắm lấy đại tá bộ binh D.Simons từ căn cứ Fort Bragg ở gần đấy. Họ gặp nhau tại căn cứ không lực Andrews, và được đưa thẳng về Lầu Năm Góc. Ở đấy, họ được nghe thiếu tướng D.Blackburn, Tham mưu trưởng hỗn hợp SACSA, thuyết trình.

Manor và Blackburn chưa hề gặp nhau nhưng họ đã biết nhau, và Manor có cảm tưởng tốt đối với việc làm của SACSA. Nhân danh người chỉ huy những lực lượng hoạt động đặc biệt của không lực Eglin, người sĩ quan 49 tuổi sinh trưởng ở New York huấn luyện các đội chiến tranh không thông thường để yểm trợ những hoạt động của SOG tại Đông Nam Á. Những sinh viên của ông gồm có các phi hành gia Mỹ, Việt Nam, Campuchia, Thái Lan và có khi cả người Lào. Mục tiêu đào tạo khá chi tiết, từ việc làm trụ lá cây trong rừng rậm và rải truyền đơn trên Bắc Việt [Nam cho](#) đến việc đưa vào những toán xâm nhập đặc biệt. Ngoài ra, trong ba năm Manor ở Lầu Năm Góc với tư cách là một sĩ quan cầm đầu của không lực có nhiệm vụ thuyết trình về Đông Nam Á, ông ta còn đóng góp cho chiến cuộc Việt Nam nhiều hơn là những việc càn quét “tìm và diệt”, đếm xác và những nhiệm vụ của phi cơ oanh tạc đã làm cho báo chí tường thuật nhiều về những trận đánh ở đó.

Cũng như Simons, Manor đã tham gia nhiều trận đánh: 345 nhiệm vụ trong chiến tranh thế giới thứ 2 và chiến cuộc Việt Nam, 275 nhiệm vụ trong số này là ở Đông Nam Á, nơi mà ông ta chỉ huy phi đội chiến đấu chiến thuật 37 tại Phù Cát. Tuy nhiên, tiếng tăm của họ là khác nhau.

Trong bộ binh, Simons được coi trọng như là một người lãnh đạo chiến đấu, nhưng ông ta là một sĩ quan bất trị do hành động của ông nhiều khi làm cho cấp trên khó chịu. Trong không lực, Manor là một người tổ chức tinh tường, đã nhanh chóng giành được sự tín nhiệm hoàn toàn của cấp trên. Simons là người hay nói, còn Manor thì trầm lặng. Cả hai đều có khả năng, được kính nể, là những con người nghiêm túc, nhưng họ là “loại mèo khác giống”.

Chuyến bay đến Washington kết thúc như đã tính toán, và tại Lầu Năm Góc, Manor và Simons lần đầu tiên được nghe về vụ tập kích ở Sơn Tây. Blackburn và Mayer cho Manor biết ông là chỉ huy toàn bộ, là người “chủ” Simons là phụ tá chỉ huy và cầm đầu vụ tập kích. Blackburn và Mayer muốn vận dụng sự phối hợp tại Washington, nơi mà một trong những công việc chính của họ không bị quấy rầy, để cho Manor và Simons có thể tập trung vào việc tuyển mộ, trang bị, huấn luyện lực lượng và thi hành sứ mệnh. Bất cứ thứ gì họ cần sẽ được ưu tiên cao nhất mà tham mưu trưởng hỗn hợp cung cấp cho họ. Thật vậy, về sau, Manor nhận được một lá thư của tướng John D.Ryan, Tham mưu trưởng không lực chuyển đến bằng tay. Thư nhắc các vị chỉ huy quan trọng của không lực và chỉ thị cho họ phải ủng hộ hoàn toàn Manor trên cơ sở không được hỏi han gì hết.

Sau khi Manor và Simons xem xét lại khái niệm mà nhóm nghiên cứu thực hiện của Blackburn đã trình bày với các tham mưu trưởng hỗn hợp, hai người bàn luận với nhau và tin rằng vụ tập kích có thể thực hiện được. Nhưng còn có một số công việc phải làm, cần thiết có kế hoạch chi tiết, và thành công hay thất bại phần lớn tùy thuộc ở chất lượng của tình báo đến với họ. Tại một buổi họp với Bennett, Steward và Harris của DIA, Manor và Simons khoan khoái được nghe rằng bất cứ cái gì họ cần, bất cứ lúc nào họ cần, DIA sẽ trình bày. Manor và Simons muốn có

tình báo tốt nhất mà DIA, CIA, NSA và văn phòng trinh sát quốc gia có thể cung cấp.

Về chuyên môn của NSA là sự kiểm soát bằng điện tử: Manor biết việc làm của nó là như thế nào trong việc chọn những con đường xâm nhập và thoát ra cho máy bay của ông ta. Bắc Việt Nam thường xuyên thay đổi cách phòng không của họ. Những pháo đội được di chuyển, các tần số liên lạc giao thông thay đổi, và màn ra-đa hữu hiệu cũng được thay đổi hàng tuần. Nhưng có một vấn đề: không một lần nào trong cuộc chiến Việt Nam mà việc chặn bắt điện tử của NSA thu được một lời về vị trí của các tù binh. Mặc dù có hàng nghìn cuộn băng điện tín để dưới vòm nhà của NSA: “Cuốn từ điển bách khoa” (The Encyclopaedia Britannica) về vô tuyến Radio, và tín hiệu điện thoại, cũng như các đường dây truyền tin thật hoặc giả... Nhưng trong tất cả những chặn bắt đó, không hề có một dữ kiện nhỏ nào về các tù binh như đã được phát công khai ở những nơi tuyên truyền công cộng. Như vậy Manor và Simons thấy rõ, họ hầu như phải hoàn toàn tùy thuộc vào sự trinh sát bằng hình ảnh chụp cho tình báo. Đó là vấn đề sống còn cho sự thành công của vụ tập kích.

Một vài phút cuối cùng, những tin tức mới có thể được triển khai qua những nguồn tin khác, nhưng nó lại có thể là không đúng. Thịnh thoàng có một ít tin tức hữu ích do thư từ của các tù binh. Nhưng thư từ thì lại lâu đến hàng tuần, có khi cả tháng, không kịp thời. Những tình báo tốt nhất cho Manor và Simons là do các ảnh chụp của SR-71 và những máy bay bay ở độ thấp.

Những “máy ảnh cho mục tiêu kỹ thuật” có tiêu cự dài của SR-71 sản xuất những tấm ảnh phi thường chụp từ độ cao hơn 80.000 bộ đủ rõ cho một người giải thích tài ba đếm được con số chính xác của những người cử động trong một khu chật hẹp. Nhưng đôi khi những phi vụ của SR-71 không sản xuất được gì, mà chỉ có hình

ảnh những cụm mây ngay trên mục tiêu. Những máy bay có thể bay dưới các cụm mây nhưng chỉ làm được một ít phần việc và không thường xuyên. Những chuyến bay Buffalo Hunter bay thấp, gần một mục tiêu như Sơn Tây, có thể báo hiệu cho người Bắc Việt Nam biết rằng sẽ có điều gì bất thường xảy ra. Cho nên không cách nào để đánh lừa Bắc Việt Nam với những chuyến bay thấp để nhằm che đậy mục tiêu thật sự. Ngoài ra, thời tiết sẽ xấu trên Bắc Việt trong những tuần lễ sắp tới, và điều đó cũng có thể hạn chế kết quả của những phi vụ chụp ảnh trinh sát.

Manor và Simons còn có những vấn đề khác. Nếu vụ tập kích được tiến hành lúc thời tiết thuận lợi vào đầu tháng 10, thì họ phải làm việc gấp rút. Họ thoả thuận với Blackburn về một thời khắc biểu gay gắt. Họ phải lập tức bay trở về Eglin và về căn cứ Fort Bragg để tuyển mộ những người tình nguyện và chuyên

viên của họ. Rồi đến thứ bảy, mùng 8 tháng 8 họ sẽ tập hợp trở lại tại Washington với nhóm người phụ tá trong năm hôm để chi tiết hóa kế hoạch. Một đội an ninh đặc biệt sẽ được tổ chức trong thời gian đó để triển khai những câu chuyện nhằm che đậy và vận dụng những biện pháp phản gián cần thiết để bịt kẻ hở. Trong khi nhóm thiết lập kế hoạch họp, Manor và Simons sẽ gửi đi một toán nhỏ về Eglin để nhận địa điểm huấn luyện và chuẩn bị sẵn sàng cho những người của họ bắt đầu tập luyện vào đầu tháng 9. Những nhà thiết kế phải có kế hoạch của mình sẵn sàng vào ngày 20 tháng 8 và kế hoạch cho những hoạt động thực sự phải xong vào ngày 28 tháng 8. Việc huấn luyện phải bắt đầu vào ngày 9 tháng 9 và chấm dứt vào ngày 6 tháng 10. Phần lớn những nhiệm vụ chụp ảnh trinh sát phải làm trong khoảng thời gian đó. Nếu mọi việc suôn sẻ như đã dự tính vào ngày 10 tháng 10 thì lực lượng tập kích sẽ sẵn sàng được phóng đi trong thời tiết đầu tiên tốt nhất, như đã tính trước. Đó là giữa những ngày 20 và ngày 25 tháng 10. Đây là một thời khắc biểu chặt chẽ và họ tin rằng có thể thực hiện được.

Trở về Eglin, Manor bắt đầu tìm kiếm những phụ tá then chốt của ông. Ông ta mời một trong những phi công trực thăng cừ nhất của không lực là trung tá Warner A. Britton, viên sĩ quan huấn luyện và hành quân tại căn cứ không lực Eglin cho các cơ quan giải cứu và tìm lại bằng máy bay. Britton cũng ở trong nhóm nghiên cứu kế hoạch của Blackburn, cho nên ông ta ủng hộ toàn bộ nhiệm vụ trước mắt. Manor còn giao cho Britton chọn lấy những phi hành đoàn trực thăng để đưa Simons và người của ông đáp xuống Sơn Tây. Britton cũng đề nghị với Manor rằng cá nhân ông muốn lái một trong những chiếc máy bay đó.

Một trong những người đầu tiên Britton tuyển mộ là trung tá John Allison, 44 tuổi, chỉ huy một trong những chuyến bay bằng trực thăng HH-53 tại trung tâm huấn luyện cho cơ quan giải cứu và tìm kiếm bằng máy bay. Allison lập tức ký vào giấy tình nguyện. Nhưng Britton gặp khó khăn với một người “tình nguyện” khác là trung tá Herbert Zehnder vì ông ta không cho Zehnder biết một chi tiết nào về nhiệm vụ mà chỉ nói rằng là một số việc huấn luyện và bay ban đêm. Zehnder là một quân nhân tại ngũ đã 16 năm trời nên ông ta nhiều lần nghe lời khuyên “Đừng bao giờ tình nguyện làm một việc gì mà mình không biết”. Ông ta trả lời với Britton là “không”. Nhưng Zehnder có những kinh nghiệm và lòng can đảm mà Britton cần đến. Người phi công 46 tuổi đã giành được một kỷ lục bay đường dài năm 1967 trong khi lái chiếc trực thăng HH-53 một mạch từ New York đến cuộc triển lãm máy bay ở Paris. Ông ta cũng đã thực hiện những phi vụ chống phiến loạn ở Việt Nam trong thời gian một năm và đôi khi cũng bay trong rừng rậm để giải cứu. Cuối cùng Britton phải nói với ông ta về nhiệm vụ của sự tình nguyện.

